



Thứ ba, ngày 16 tháng 7 năm 2019

Vietnam Daily Review

Hồi phục mạnh mẽ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/7/2019		•	
Tuần 15/7-19/7/2019		•	
Tháng 7/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm mạnh mẽ trong cả phiên giao dịch hôm nay.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+2.46 điểm); VHM (+1.91 điểm); VIC (+1.69 điểm); BID (+1.29 điểm); SAB (+0.56 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm HVN (-0.66 điểm); PPC (-0.18 điểm); HNG (-0.17 điểm); PLX (-0.10 điểm); POW (-0.06 điểm).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,330.5 tỷ đồng, tăng 24.4% so với phiên hôm trước. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.06 điểm. Thị trường có 156 mã tăng và 146 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 9.58 điểm, đóng cửa tại 982.11 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.23 điểm lên 105.85 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 456.22 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã PLX (112.73 tỷ), VIC (96.61 tỷ) và VCB (87.68 tỷ). Đồng thời, họ cũng mua ròng 2.49 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ nhờ lực kéo của các cổ phiếu bluechips như VCB, VHM, VIC, MSN, BID, MWG. Trong phiên chiều, đà tăng không chỉ tập trung tại các Bluechips như VIC, VRE, VHM,... mà còn lan tỏa ra nhiều nhóm ngành, cổ phiếu đã giúp thị trường đóng cửa tại 982.11 điểm, tăng 9.58 điểm so với phiên hôm qua. Thanh khoản thị trường tốt cùng việc khối ngoại mua ròng mạnh trên cả 3 sàn cũng là yếu tố hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư. Theo quan điểm của BSC, phiên tăng điểm tích cực hôm nay chủ yếu đến từ kết quả kinh doanh Quý 2/2019 mới công bố của các công ty niêm yết và kỳ vọng vào việc cắt giảm lãi suất của Fed vào cuối tháng này. Đà tăng điểm cùng với nhịp hồi phục mạnh đang cho thấy tín hiệu khá tích cực khi dòng tiền đang dần trở lại thị trường. VN-Index có thể sẽ vượt được ngưỡng kháng cự tâm lý 985 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng: +1.5%

Phân tích kỹ thuật:
MBB_Đà tăng vững chắc

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 982.11

Giá trị: 3330.54 tỷ 9.58 (0.99%)

Khối ngoại (ròng): 456.22 tỷ

HNX-INDEX 105.85

Giá trị: 333.72 tỷ 0.24 (0.23%)

Khối ngoại (ròng): 2.49 tỷ

UPCOM-INDEX 57.30

Giá trị: 237.76 tỷ 0.75 (1.33%)

Khối ngoại(ròng): 15.66 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	59.8	0.30%
Giá vàng	1,415	0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,201	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,122	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,496	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	5.38%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	76.0	PVT	16.0
DGW	29.9	HPG	15.4
KBC	21.3	HDB	9.7
MSN	16.5	PVD	8.0
VJC	16.1	VNM	7.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
iBroker	Trang 7
iINVEST	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng: +1.5%

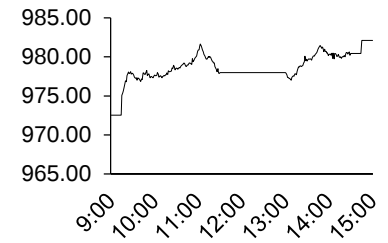
Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Ngân hàng	1.5%	4.3%	6.9%	0.8%	9.8%	7.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.3%	0.3%	1.6%	-0.1%	8.0%	8.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	2.3%	2.8%	-2.8%	7.2%	9.3%
Hàng tiêu dùng	0.6%	0.7%	3.0%	2.1%	8.3%	15.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	1.9%	3.5%	2.4%	7.0%	10.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.3%	0.1%	1.4%	0.9%	6.7%	10.4%
Chiến tranh thương mại	0.1%	0.3%	2.5%	2.3%	10.2%	28.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.1%	1.2%	2.3%	-1.9%	6.5%	1.2%
Dầu khí	-0.7%	2.0%	4.1%	2.5%	16.7%	30.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.0%	-0.2%	4.0%	5.1%	17.5%	33.9%
Nước & Năng lượng	-1.2%	-0.6%	2.3%	4.9%	14.4%	34.7%
VNINDEX	1.0%	1.3%	3.0%	1.0%	8.9%	7.8%
VN30INDEX	0.8%	1.0%	2.2%	-0.8%	1.9%	-2.1%

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

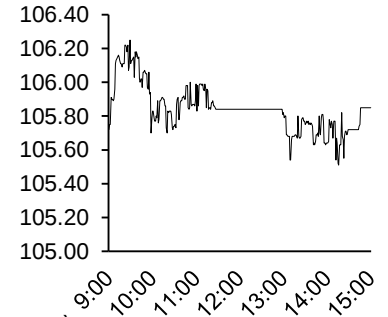
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

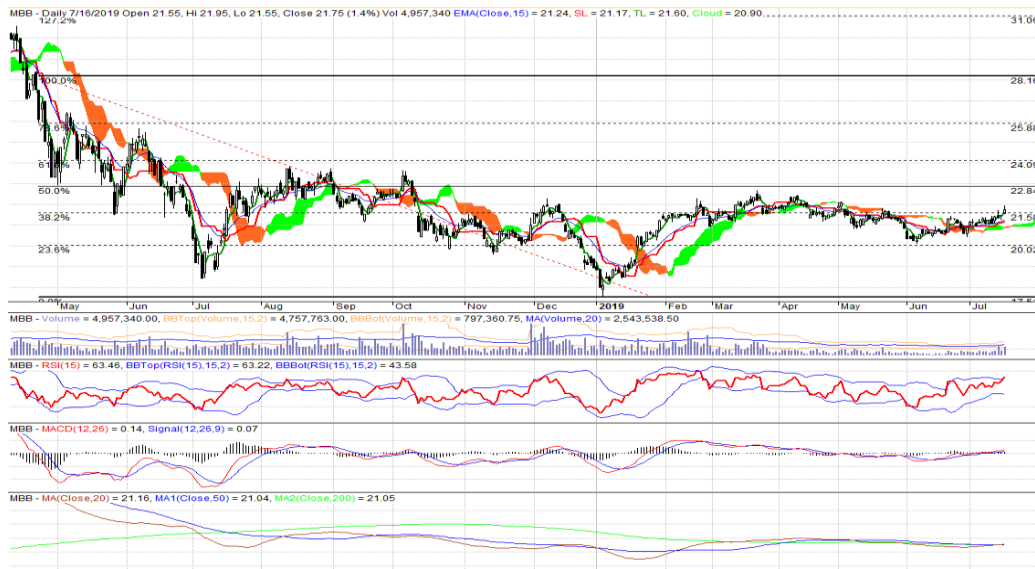
Phân tích kỹ thuật

MBB_Đà tăng vững chắc

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu và đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI có xu hướng tăng.
- Đường MA: MA20 cắt lên MA50 và MA200.

Nhận định: Cổ phiếu MBB đang nằm trong xu hướng hồi phục sau xác lập mô hình 2 đáy tại vùng giá 20-20.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt xa ngưỡng trung bình giao dịch trung bình 20 phiên trong phiên, báo hiệu xu hướng tăng vẫn khá mạnh mẽ. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD cũng duy trì xu hướng này. Đường giá MBB nằm trên dải mây Ichimoku và vượt ngưỡng MA200 xác định xu hướng tăng khá vững chắc trong trung hạn. Vận động 3 đường MA cho thấy xu hướng tích cực khi MA20 vượt lên 2 đường MA50 và MA200. Như vậy, MBB sẽ tăng trở lại vùng giá vùng giá 26 trong các phiên giao dịch tới.



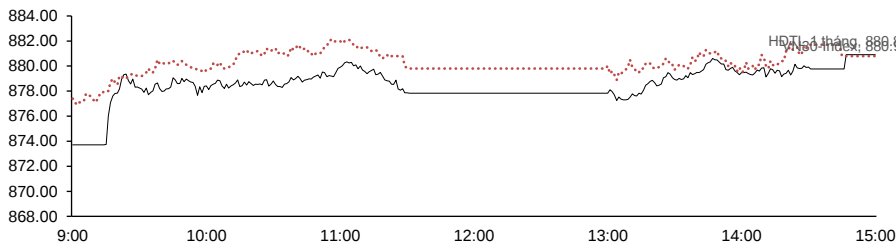
Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Du lịch và Giải trí	-1.05%
Y tế	-0.91%
Ô tô và phụ tùng	-0.52%
Dầu khí	-0.29%
Dịch vụ tài chính	-0.17%
Điện, nước & xăng dầu khí d	-0.13%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.07%
Công nghệ Thông tin	0.08%
Xây dựng và Vật liệu	0.29%
Hóa chất	0.30%
Tài nguyên Cơ bản	0.46%
Thực phẩm và đồ uống	0.58%
Bán lẻ	0.67%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.69%
Truyền thông	1.35%
Bất động sản	1.52%
Ngân hàng	1.89%
Bảo hiểm	2.25%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	0/1/1900	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày tới hạn
VN30F1907	880.80	0.20%	-0.11	-14.9%	87075	7/18/2019	4
VN30F1908	886.30	0.27%	5.39	128.6%	3955	8/15/2019	32
VN30F1909	890.00	0.45%	9.09	-44.6%	51	9/19/2019	67
VN30F1912	893.50	-1.38%	12.59	16.4%	85	12/19/2019	158

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	115.90	1.49	1.02
VHM	83.90	2.32	0.95
VCB	77.20	2.93	0.93
VJC	131.00	1.16	0.58
MBB	21.75	1.40	0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
REE	33.7	-1.03	-0.09
DHG	102.5	-1.54	-0.08
HDB	26.1	-0.19	-0.05
CII	22.0	-0.45	-0.03
CTD	110.4	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index đang tăng 7.20 điểm lên mức 880.91 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VHM, VCB, VJC, và MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 đang kiểm tra mức kháng cự 880 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy dư địa tăng điểm vẫn còn với mức giá mục tiêu tiếp theo tại 889 điểm.
- Hầu hết các HDTL đều tăng điểm theo đà tăng điểm của VN30. Khối lượng giao dịch và vị thế mở của VN30F1M đang giảm đi khi hợp đồng này sắp đến ngày đáo hạn 18/7. Sự quan tâm của nhà đầu tư được chuyển hướng sang VN30F2M. Khối lượng giao dịch và vị thế mở của hợp đồng này đều tăng cho thấy kỳ vọng tăng giá đã tăng trở lại. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn cần theo dõi và ưu tiên những nhịp cạnh bán trong các pha điều chỉnh kỹ thuật quang vùng hỗ trợ 868 – 872 điểm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền	Tổ chức phát hành	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	Tỷ lệ chuyển đổi	KL niêm yết	Giá thực hiện	Giá phát hành	Giá chứng quyền	% +/- Ngày	Giá hòa vốn	Giá Lý thuyết *
CMWG1901	BSC	9 tháng	6/10/2019	9/9/2019	4:1	1,000,000	88,300	2,000	125,940	2795.17%	96,300	-0.35247
CHPG1901	MBS	9 tháng	6/10/2019	9/10/2019	2:1	2,000,000	22,900	1,200	89,400	6939.37%	25,300	-0.61555
CHPG1902	KIS	12 tháng	6/11/2019	12/11/2019	5:1	3,000,000	41,999	1,000	1,200	23996.43%	46,999	2.185712
CHPG1903	VPBS	9 tháng	6/12/2019	9/12/2019	2:1	1,500,000	23,200	1,500	31,870	2647.41%	26,200	-0.37904
CMBB1901	SSI	9 tháng	6/28/2019	9/28/2019	1:1	3,000,000	20,600	1,900	102,140	3509.19%	22,500	0.990503
CMBB1902	HSC	12 tháng	6/17/2019	12/17/2019	1:1	1,000,000	21,800	3,200	53,560	1600.32%	25,000	0.695855
CMWG1902	VND	12 tháng	6/12/2019	12/11/2019	4:1	2,400,000	90,000	2,990	274,550	5446.46%	101,960	-0.0923
CPNJ1901	MBS	9 tháng	6/10/2019	9/10/2019	5:1	1,000,000	78,800	1,700	30,400	1313.95%	87,300	0.281908
CVNM1901	KIS	12 tháng	6/14/2019	12/13/2019	10:1	5,000,000	158,888	1,200	243,120	22204.59%	170,888	0.382815
CFPT1902	SSI	9 tháng	6/29/2019	9/30/2019	1:1	1,000,000	46,000	1,201	21,870	320.58%	170,889	0.382815
CFPT1903	SSI	12 tháng	6/26/2019	12/30/2019	1:1	2,000,000	46,000	1,202	66,630	725.65%	170,890	0.382815
CHPG1904	SSI	9 tháng	6/26/2019	9/30/2019	1:1	1,000,000	23,100	1,203	11,460	461.76%	170,891	0.382815
CHPG1905	SSI	12 tháng	6/26/2019	12/30/2019	1:1	1,000,000	23,100	1,204	24,060	651.88%	170,892	0.382815
CMWG1903	HSC	12 tháng	6/26/2019	12/30/2019	5:1	2,000,000	95,000	1,205	164,710	4178.18%	170,893	0.382815
CMWG1904	SSI	12 tháng	6/26/2019	12/30/2019	1:1	1,000,000	90,000	1,206	75,990	264.99%	170,894	0.382815

Chú thích: * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/07/2019, hầu hết chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều tăng giá. CMWG1903 và CMWG1904 tăng giá nhiều nhất cùng ở mức 4.62%. Trong khi đó, CHPG1902 và CHPG1904 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 3.45% và 3.77%.
- Các chứng quyền vẫn duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Ngoại trừ CHPG1902 và CVNM1901, CHPG1903 và CPNJ1901 đang là những chứng quyền có sự chênh lệch lớn nhất giữa giá thị trường lần lượt ở mức 1160 VND và 2150 VND, và giá lý thuyết lần lượt ở mức 230.88 VND và 391.12 VND. Xét về trạng thái, các chứng quyền đang có sự phân hóa về trạng thái, trong đó CVNM1901 và CHPG1902 vẫn đang là những chứng quyền có trạng thái lỗ lớn nhất, và CMWG1901 và CMWG1902 đang là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. Cùng sự gia nhập của các chứng quyền mới, sức mua có thể tiếp tục duy trì trong những phiên tới.

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	102.2	1.0%	0.7	1,968	3.2	7,159	14.3	4.5	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	74.7	0.4%	1.0	723	1.6	4,802	15.6	4.1	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	86.4	2.5%	1.3	2,633	0.8	1,622	53.3	4.0	25.6%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	37.6	0.8%	0.7	378	0.2	2,459	15.3	1.3	51.2%	8.1%
VIC	Bất động sản	115.9	1.5%	1.1	16,861	2.4	1,303	88.9	6.5	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	37.0	2.1%	1.1	3,746	5.2	1,033	35.8	3.0	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.4	0.3%	0.8	2,443	2.2	3,686	16.4	2.9	7.1%	20.8%
REE	Bất động sản	33.7	-1.0%	1.1	454	3.2	5,659	5.9	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.5	-1.3%	1.4	281	0.4	3,364	5.5	1.2	48.4%	25.1%
SSI	Chứng khoán	25.0	0.0%	1.3	553	1.0	2,169	11.5	1.4	58.7%	11.9%
VCI	Chứng khoán	33.5	0.9%	1.0	237	0.1	5,067	6.6	1.5	37.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.3	-2.5%	1.5	309	1.6	2,009	11.6	1.0	57.3%	14.1%
FPT	Công nghệ	47.3	0.0%	0.8	1,395	2.4	4,061	11.6	2.4	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	40.4	-1.5%	0.4	437	0.0	3,778	10.7	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	106.4	0.4%	1.5	8,854	1.1	6,092	17.5	4.6	3.7%	27.0%
PLX	Dầu khí	64.3	-0.5%	1.5	3,273	6.0	3,412	18.8	3.4	12.4%	18.2%
PVS	Dầu khí	24.1	1.3%	1.7	501	2.3	2,433	9.9	0.9	25.4%	10.1%
BSR	Dầu khí	11.9	-1.7%	0.8	1,604	0.7	1,163	10.2	1.2	41.1%	11.0%
DHG	Dược	102.5	-1.5%	0.5	583	0.1	4,199	24.4	4.5	54.2%	19.0%
DPM	Hóa chất	15.4	0.0%	0.7	261	0.2	1,289	11.9	0.8	20.4%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.0	0.0%	0.7	185	0.0	978	8.2	0.7	2.6%	8.4%
VCB	Ngân hàng	77.2	2.9%	1.3	12,449	6.3	4,367	17.7	3.9	23.8%	24.5%
BID	Ngân hàng	34.6	3.8%	1.6	5,136	4.9	2,150	16.1	2.2	3.1%	14.5%
CTG	Ngân hàng	21.7	0.9%	1.6	3,513	4.9	1,481	14.7	1.2	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	19.7	0.5%	1.2	2,104	0.9	2,705	7.3	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	21.8	1.4%	1.2	1,999	4.7	2,994	7.3	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	30.2	0.7%	1.1	1,638	1.6	4,297	7.0	1.7	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	50.5	1.0%	0.9	180	0.7	5,279	9.6	1.6	75.5%	17.0%
NTP	Nhựa	34.4	1.2%	0.4	133	0.1	4,066	8.5	1.3	21.1%	16.3%
MSR	Tài nguyên	18.2	-0.5%	1.2	712	0.0	732	24.9	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.6	0.7%	1.0	2,593	3.3	2,956	7.3	1.4	38.9%	21.4%
HSG	Thép	7.6	2.0%	1.5	140	1.4	251	30.5	0.6	17.7%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	124.0	0.6%	0.8	9,388	2.8	5,349	23.2	7.6	59.0%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	285.0	1.1%	0.8	7,946	0.1	6,479	44.0	11.3	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	80.4	0.6%	1.2	4,086	1.0	4,545	17.7	3.1	40.5%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.0	0.0%	0.6	388	1.5	752	22.6	1.4	6.1%	6.1%
ACV	Vận tải	83.2	-1.0%	0.8	7,875	0.2	2,630	31.6	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	131.0	1.2%	1.1	3,085	4.6	9,850	13.3	5.1	20.1%	43.3%
HVN	Vận tải	42.1	-3.8%	1.7	2,596	5.7	1,747	24.1	3.3	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	27.3	0.4%	0.8	352	0.6	2,245	12.2	1.4	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	17.4	-1.4%	0.7	213	0.6	2,387	7.3	1.3	31.3%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.8	3.4%	1.0	524	1.0	6,806	11.3	4.1	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.4	-0.2%	0.9	417	0.9	1,385	15.5	1.5	13.0%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	0.6%	0.8	262	0.1	1,744	9.1	1.1	6.2%	12.6%
CTD	Xây dựng	110.4	0.0%	0.7	367	0.8	17,122	6.4	1.1	47.1%	16.9%
VCG	Xây dựng	26.3	0.4%	1.2	505	0.4	1,106	23.8	1.8	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	22.0	-0.5%	0.4	237	0.4	337	65.4	1.1	53.0%	1.7%
POW	Điện	14.6	-0.7%	0.6	1,487	0.7	820	17.8	1.4	15.1%	7.8%
NT2	Điện	26.7	0.0%	0.6	334	0.2	2,446	10.9	2.0	22.6%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	77.20	2.93	2.41	1.90MLN
VHM	83.90	2.32	1.88	833350.00
VIC	115.90	1.49	1.68	473360.00
BID	34.55	3.75	1.27	3.29MLN
SAB	285.00	1.06	0.57	7260.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.20	0.67	0.26	1.19MLN
VCS	76.80	3.36	0.08	296700.00
PVS	24.10	1.26	0.08	2.23MLN
CEO	11.00	3.77	0.07	1.50MLN
SHS	9.80	2.08	0.03	949400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVN	42.10	-3.77	-0.69	3.06MLN
PPC	29.10	-6.88	-0.21	1.76MLN
HNG	18.10	-3.72	-0.18	1.70MLN
PLX	64.30	-0.46	-0.12	2.15MLN
POW	14.60	-0.68	-0.07	1.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	117.50	-9.96	-0.12	100.00
DGC	30.00	-2.60	-0.06	109500.00
L14	53.80	-8.35	-0.06	310000.00
NVB	8.00	-1.23	-0.03	207300.00
CTX	33.80	-9.87	-0.03	12200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMT	6.42	7.00	0.01	8290.00
PAN	31.45	6.97	0.10	61780.00
PDN	117.10	6.94	0.03	6220.00
LGC	35.55	6.92	0.13	4450.00
BIC	21.70	6.90	0.05	6310.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.00	0.01	7500.00
D11	17.60	10.00	0.01	81200.00
MCO	2.20	10.00	0.00	20300.00
MIM	11.20	9.80	0.00	40100.00
ALT	12.40	9.73	0.00	2600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	15.30	-6.99	-0.01	504010.00
SSC	74.00	-6.92	-0.02	430.00
SRC	18.90	-6.90	-0.01	100940.00
TEG	5.54	-6.89	0.00	90680.00
CTF	23.00	-6.88	-0.02	17670.00

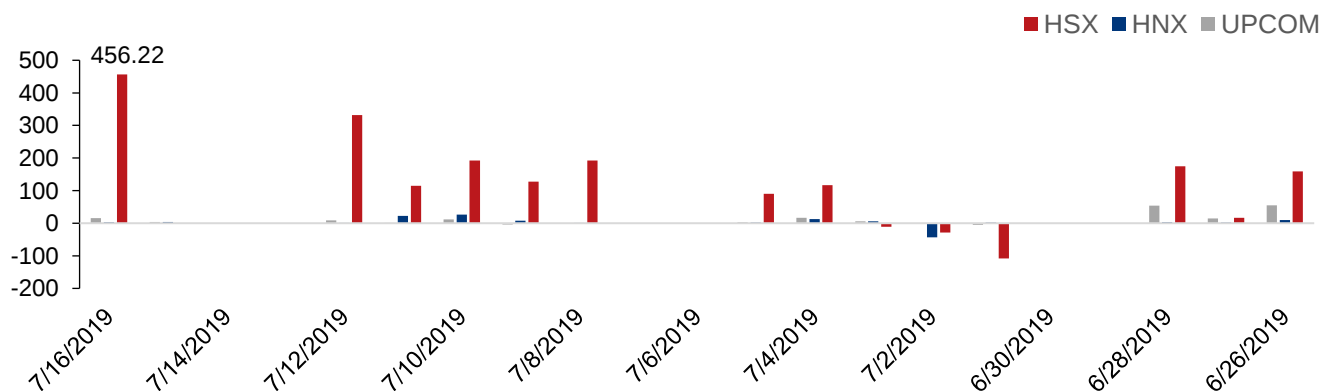
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPP	9.00	-10.00	0.00	1700.00
PJC	32.50	-9.97	-0.01	200.00
SAF	54.20	-9.97	-0.01	100.00
HHC	117.50	-9.96	-0.12	100.00
VC1	15.40	-9.94	-0.01	1100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



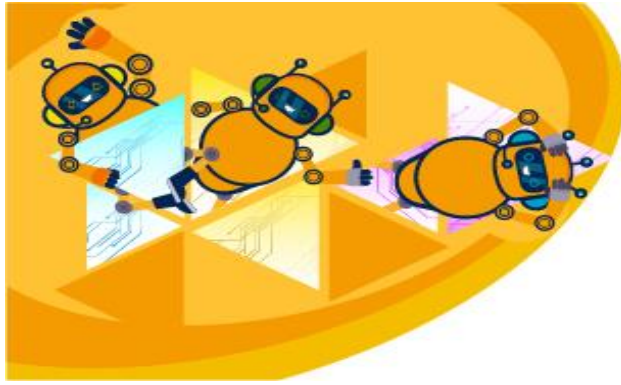
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click	
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click	
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	62.0	5,276	11.8	3.3	Click	
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	32.0	5,025	6.4	1.0	Click	
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	30.2	4,297	7.0	1.7	Click	
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.5	3,754	4.9	1.3	Click	
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.6	251	30.5	0.6	Click	
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		53.7	4,961	10.8	3.2	Click	
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	80.4	4,545	17.7	3.1	Click	
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	158.5	7,716	20.5	10.6	Click	
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.3	2,245	12.2	1.4	Click	
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	102.2	7,159	14.3	4.5	Click	
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	29.1	4,186	7.0	1.4	Click	
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	8.9	1,113	8.0	0.5	Click	
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	89.1	17,884	5.0	1.9	Click	
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.0	1,154	16.4	1.5	Click	
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	21.3	3,307	6.4	1.5	Click	
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	19.8	3,096	6.4	0.8	Click	
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	47.3	4,061	11.6	2.4	Click	
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	23.5	2,862	8.2	1.2	Click	
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	35.5	6,952	5.1	2.1	Click	
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	21.6	2,589	8.3	1.6	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express ACV 2019Q2	24/6/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Dự báo doanh thu thuần của ACV đạt 17,314 tỷ đồng (+7.6% YoY), trong đó báo cáo KQKD VSC 2019 với DT và LNST đạt lần lượt 1,695.8 tỷ đồng (+0.1% yoy) và 329.4 tỷ đồng (-7% yoy) tương đương EPS FW cốt lõi đạt 4,561 đồng/cp, P/E FW = 6.9x, P/B FW = 0.85x. Chúng tôi giữ giá định sản lượng hàng hóa thông cảng đạt 1,167,135 TEU (-0.3% yoy).
VSC 2019Q2	25/6/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 31300; Giá tại Publish 31800. EPS 4561; PE 7.5; PB 3.6. Dự báo KQKD VSC 2019 với DT và LNST đạt lần lượt 1,695.8 tỷ đồng (+0.1% yoy) và 329.4 tỷ đồng (-7% yoy) tương đương EPS FW cốt lõi đạt 4,561 đồng/cp, P/E FW = 6.9x, P/B FW = 0.85x. Chúng tôi giữ giá định sản lượng hàng hóa thông cảng đạt 1,167,135 TEU (-0.3% yoy).
Express DGC 2019Q3	1/7/2019	HĐKD trong Q2.2019 Thị trường xuất khẩu phân bón kém (thị trường Ấn Độ) do nắng nóng khiến nhu cầu tiêu thụ phân bón thấp. Vì thế, WPA giảm mạnh nhất. Phốt pho vàng đi ngang so với cùng kỳ (cả về giá : ~ 3000 USD và sản lượng). Biên LNG các sản phẩm vẫn giữ mức đi ngang, có WPA biên giảm.
Express VCB 2019Q2	25/6/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; dự báo, VCB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2019 lần lượt đạt mức 44,988 tỷ VND (+14.5% yoy) và 20,654 tỷ VND (+12.9% yoy). Nếu loại trừ thu nhập bất thường từ thoái vốn, PBT của VCB tăng trưởng 24.6%.



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Ngân hàng	1.5%	4.3%	6.9%	0.8%	9.8%	7.7%	60.5%	128.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.3%	0.3%	1.6%	-0.1%	8.0%	8.6%	83.5%	154.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	2.3%	2.8%	-2.8%	7.2%	9.3%	53.3%	92.1%
Hàng tiêu dùng	0.6%	0.7%	3.0%	2.1%	8.3%	15.8%	59.3%	222.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.0%	-0.2%	4.0%	5.1%	17.5%	33.9%	59.8%	175.6%
Nước & Năng lượng	-1.2%	-0.6%	2.3%	4.9%	14.4%	34.7%	62.7%	121.1%
* Note Danh mục Ngân hàng hôm nay có phiên bứt phá mạnh mẽ +1.5%, trong khi đó, danh mục Nước & Năng lượng đi ngược xu hướng thị trường -1.2%.								
Mục tiêu Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 7	1.0%	2.0%	4.1%	1.5%	7.5%	13.9%	44.9%	146.3%
Danh mục 17	0.8%	1.0%	1.1%	0.5%	8.5%	30.1%	125.8%	263.1%
Danh mục 16	0.7%	1.4%	3.4%	3.2%	8.1%	11.6%	63.8%	162.9%
Danh mục 12	0.0%	0.4%	1.0%	-1.4%	13.1%	18.7%	105.3%	256.8%
Danh mục 18	0.0%	0.4%	1.0%	-1.5%	13.3%	19.9%	97.2%	236.0%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 24	1.0%	3.2%	7.0%	5.6%	16.2%	20.6%	59.9%	190.1%
Danh mục 25	0.9%	1.9%	4.2%	6.9%	19.8%	50.6%	157.8%	244.7%
Danh mục 20	0.6%	2.1%	3.5%	1.8%	6.3%	18.0%	18.7%	184.4%
Danh mục 22	0.4%	1.9%	4.1%	3.2%	10.1%	8.3%	53.7%	164.9%
Danh mục 21	0.1%	1.6%	4.5%	2.1%	11.6%	12.0%	38.0%	53.4%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	1.0%	1.3%	3.0%	1.0%	8.9%	7.8%	47.8%	66.4%
VN30INDEX	0.8%	1.0%	2.2%	-0.5%	3.2%	-2.6%	34.8%	38.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

